

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐẠI BÁCH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐẠI BÁCH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAI BACH INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DAI BACH INVESTMENT.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108890647

3. Ngày thành lập: 09/09/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Nhà số 7 - B16 Nam Thành Công, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
2.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
3.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
4.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
5.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
6.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
7.	Sản xuất đường	1072
8.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
9.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
10.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
11.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
12.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
13.	Sản xuất rượu vang	1102
14.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
15.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
16.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
17.	Sản xuất sợi	1311
18.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
19.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
20.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
21.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
22.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
23.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394

24.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
25.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
26.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
27.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
28.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
29.	Sản xuất giày, dép	1520
30.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
31.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
32.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
33.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
34.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
35.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
36.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
37.	In ấn	1811
38.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
39.	Sao chép bản ghi các loại	1820
40.	Sản xuất than cốc	1910
41.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
42.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
43.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
44.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
45.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
46.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
47.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
48.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
49.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
50.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
51.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
52.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
53.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
54.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
55.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
56.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
57.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
58.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
59.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593

60.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
61.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
62.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
63.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
64.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
65.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
66.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
67.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
68.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
69.	Thu gom rác thải độc hại	3812
70.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
71.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
72.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
73.	Xây dựng nhà không để ở	4102
74.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
75.	Xây dựng công trình điện	4221
76.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
77.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
78.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
79.	Xây dựng công trình thủy	4291
80.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
81.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
82.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
83.	Phá dỡ	4311
84.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
85.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
86.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
87.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
88.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
89.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
90.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4511
91.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ đầu giá)	4512
92.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) Đại lý xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4513

93.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
94.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4530
95.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy Bán lẻ mô tô, xe máy Đại lý mô tô, xe máy (trừ đấu giá)	4541
96.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
97.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
98.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
99.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
100.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
101.	Bán buôn thực phẩm	4632
102.	Bán buôn đồ uống	4633
103.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
104.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
105.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
106.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
107.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
108.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

109.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường	4659
110.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
111.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
112.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su	4663
113.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn cao su	4669
114.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
115.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
116.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
117.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

118.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
119.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
120.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
121.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
122.	Bốc xếp hàng hóa	5224
123.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
124.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
125.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
126.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
127.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
128.	Xuất bản phần mềm	5820
129.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
130.	Quảng cáo	7310
131.	Cho thuê xe có động cơ	7710
132.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển	7730
133.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
134.	Đại lý du lịch	7911
135.	Điều hành tua du lịch	7912
136.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
137.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
138.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
139.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
140.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
141.	Dịch vụ đóng gói	8292
142.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
143.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
144.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
145.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
146.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
147.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690

148.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
149.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
150.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
151.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
152.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp Thiết kế cơ - điện công trình Thiết kế cấp - thoát nước công trình Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình Khảo sát xây dựng, bao gồm: Khảo sát địa hình; khảo sát địa chất công trình Đại lý đấu thầu, tư vấn đấu thầu Dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	7110
153.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
154.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản Dịch vụ môi giới bất động sản	6820
155.	Giáo dục nhà trẻ	8511
156.	Giáo dục mẫu giáo	8512
157.	Giáo dục tiểu học	8521
158.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
159.	Giáo dục trung học phổ thông	8523

160.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại Các dịch vụ dạy kèm (gia sư) Dạy máy tính - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng	8559
161.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Phòng khám đa khoa; Phòng khám chuyên khoa, bác sỹ gia đình	8620
162.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
163.	Khai thác thủy sản biển	0311

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Tổ 24 , Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	680.000	6.800.000.000	34,000	027170000063	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	680.000	6.800.000.000	34,000		
2	NGUYỄN CÔNG MINH HIỀN	Số nhà 72, phố Miêu Nha, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	660.000	6.600.000.000	33,000	001201024461	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	660.000	6.600.000.000	33,000		

3	NGUYỄN THỊ VÂN	Số 7 B16, tập thể Nam Thành Công, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	660.000	6.600.000.000	33,000	010021930	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	660.000	6.600.000.000	33,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ VÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/10/1948

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 010021930

Ngày cấp: 09/10/2007

Nơi cấp: công an Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 7 B16, tập thể Nam Thành Công, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 7 B16, tập thể Nam Thành Công, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội